

Số: /BV – YCBG  
Vv yêu cầu báo giá vật tư y tế,  
sinh phẩm y tế, hóa chất xét nghiệm

Xín Mần, ngày 20 tháng 3 năm 2024

## **YÊU CẦU BÁO GIÁ**

Kính gửi: Các hãng sản xuất, các nhà cung cấp, kinh doanh  
vật tư y tế, sinh phẩm y tế, hóa chất xét nghiệm tại Việt  
Nam

Bệnh viện đa khoa huyện Xín Mần có nhu cầu tiếp nhận báo giá để xây dựng  
giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho gói thầu: mua sắm vật tư y tế,  
sinh phẩm y tế, hóa chất xét nghiệm bổ sung năm 2024 nội dung cụ thể như sau:

### **I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá:**

- Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện đa khoa huyện Xín Mần, địa chỉ: tổ 4 thị trấn Cốc Pài, huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang.
- Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá: Nông Văn Hoành, khoa Dược, số điện thoại: 0363.600.888,  
email: [hoanhproc5@gmail.com](mailto:hoanhproc5@gmail.com)
- Cách thức tiếp nhận báo giá:
  - Nhận trực tiếp tại địa chỉ: khoa Dược, bệnh viện đa khoa huyện Xín Mần, tổ 4, thị trấn Cốc Pài, huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang.
  - Nhận qua email: [khoaduocbvxm@gmail.com](mailto:khoaduocbvxm@gmail.com)
- Thời gian tiếp nhận báo giá từ 08h ngày 20/3/2024 đến 17h00p ngày 27/03/2024. Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.
- Thời hạn có hiệu lực của báo giá: tối thiểu 90 ngày

## II. Nội dung yêu cầu báo giá:

### 1. Danh mục hàng hóa yêu cầu báo giá:

STT	Nội dung	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	ĐVT	Số lượng
<b>I. Vật tư y tế, sinh phẩm y tế</b>				
1	Phim khô y tế 35 x 43cm	Phim khô Laser cỡ 35x43 cm, sử dụng công nghệ ECO Dry thân thiện môi trường, phim gồm 4 lớp: lớp bảo vệ, lớp nhạy sáng, lớp phim, lớp bảo vệ. Mật độ tối đa 3.3. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001, CE.	Tờ	3.000
2	Phim khô y tế 20x25 cm	Phim khô Laser cỡ 20x25 cm, sử dụng công nghệ ECO Dry thân thiện môi trường, phim gồm 4 lớp: lớp bảo vệ, lớp nhạy sáng, lớp phim, lớp bảo vệ. Mật độ tối đa 3.3. Đạt tiêu chuẩn ISO 900, CE.	Tờ	1.500
3	Phim khô y tế 25x30 cm	Phim khô Laser cỡ 25x30 cm, sử dụng công nghệ ECO Dry thân thiện môi trường, phim gồm 4 lớp: lớp bảo vệ, lớp nhạy sáng, lớp phim, lớp bảo vệ. Mật độ tối đa 3.3. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001, CE.	Tờ	15.000
4	Khí CO <sub>2</sub>	Khí CO <sub>2</sub> y tế. Bình 10 lít	Bình	20
5	Túi hậu môn nhân tạo	Túi hậu môn nhân tạo 1 mảnh, túi xả, màu da, phần đế làm từ hydrocolloid, túi mềm mại, để có kích thước cắt tối đa 70mm, không chứa latex/PVC, không chứa phthalate/(DEHP). Đạt tiêu chuẩn ISO 9001, CE.	Túi	50
6	Túi máu đơn 250ml	Có cấu trúc gồm 1 túi dung tích 250ml Túi chứa sẵn dung dịch chống đông và bảo quản CPDA-1.	Túi	250
7	Túi máu đơn 100ml	Có cấu trúc gồm 1 túi dung tích 100ml Túi chứa sẵn dung dịch chống đông và bảo quản CPDA-1.	Túi	50
8	Túi máu đơn 350ml	Có cấu trúc gồm 1 túi dung tích 350ml Túi chứa sẵn dung dịch chống đông và bảo quản CPDA-1.	Túi	250
9	Dây nối bơm tiêm điện	Có kích thước 30cm. Thể tích mỗi dịch 1ml- Đường kính trong: 0.9 mm. Đường kính ngoài: 1.9mm- Tốc độ 0.9ml/m : áp lực 2 bar- Đầu nối Luer Lock, có khóa dừng- Chất liệu PVC, không có chất gây độc di-2-ethylexyl phthalate (DEHP). Đạt tiêu chuẩn CE	Cái	1.000
10	Dung dịch Enzym làm sạch dụng cụ y tế bao gồm cả dụng cụ nội	Enzyme Protease 0,5 % (w/w). Chất hoạt động bề mặt non-ionic: Fatty alcohol alkoxylate, C9-11 Ethoxylate... Chất chống ăn mòn: Benzotriazole. Chất chỉnh pH: Acid citric, Triethanolamine. Chất tạo màu, hương liệu... Thể tích chai 1000 ml. Đạt	Chai	20

STT	Nội dung	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	ĐVT	Số lượng
	soi, sử dụng được cho cả máy rửa khử khuẩn	tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 13485		
11	Khí Oxy	Khí Oxy y tế. Bình 40 lít; Khí Oxy Y tế dạng khí chứa trong bình chuyên dụng, hàm lượng Oxy $\geq 99,6\%$ , hàm lượng nước thấp $\leq 0.006$ mg/lít; và đạt tiêu chuẩn ISO 9001	Bình	1.000
12	Khí Oxy	Khí Oxy y tế. Bình 7 lít; Khí Oxy Y tế dạng khí chứa trong bình chuyên dụng, hàm lượng Oxy $\geq 99,6\%$ , hàm lượng nước thấp $\leq 0.006$ mg/lít; và đạt tiêu chuẩn sau ISO 9001	Bình	50
13	Gạc cầu đa khoa Fi 30 x 1 lớp vô trùng	Kích thước Ø30x1 lớp, có tiết trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001.	Cái	50.000
<b>II. Hóa chất xét nghiệm</b>				
14	Hóa chất xét nghiệm Thrombin Time (TT)	Hóa chất xét nghiệm Thrombin Time (TT) dùng để đánh giá chức năng đông máu với mẫu huyết tương. Quy cách: Hộp hóa chất thrombin dạng đông khô, 3x3ml Thành phần: Thrombin người 8 - 10 IU/ml, đệm, sodium azide < 0,01%. Độ ổn định: 15 ngày ở 2-8°C.	Hộp	20
15	Hóa chất xét nghiệm Fibrinogen	Hóa chất xét nghiệm Fibrinogen dùng xác định Fibrinogen trong huyết tương bằng phương pháp thủ công và tự động. Thành phần gồm có: - Hóa chất Fibrinogen dạng đông khô 5x2 ml, thành phần: + Thrombin người 80 - 100 IU/ml+ Sodium azide < 0,01%. - Dung dịch đệm Imidazole Buffered Saline 1x100 mL, pH 7.4 $\pm$ 0.2, thành phần: + Imidazole 0,05 mol/l+ Đệm và chất ổn định.- Chất chuẩn: Fibrinogen huyết tương tham chiếu (dạng đông khô) 2x1mL, thành phần: + Huyết tương người+ Sodium azide < 0,01%.	Hộp	25
16	Hóa chất xét nghiệm Prothrombin Time (PT)	Hóa chất HEMOSTAT THROMBOPLASTIN-SI (PT-SI) dùng để xác định Prothrombin Time (PT) bằng phương pháp thủ công hoặc tự động. Thành phần gồm có: - Hoá chất Thromboplastin (dạng đông khô) chứa Chiết xuất não thỏ > 10%, Sodium azide < 0,01%- Đệm CaCl <sub>2</sub> chứa Sodium azide < 0,01% quy cách đóng gói: 6 x 2ml/hộp.	Hộp	25
17	Bộ hóa chất xét nghiệm aPTT	Bộ hóa chất xét nghiệm aPTT sử dụng chất hoạt hóa axit Ellagic, dùng để xác định thời gian Thromboplastin một phần hoạt hóa (aPTT) bằng phương pháp thủ công	Hộp	15

STT	Nội dung	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	ĐVT	Số lượng
		và tự động. Thành phần gồm có: - Hoá chất 1 (6x4ml): Hóa chất aPTT-EL: Cephalin năo thỏ < 1.0%, ellagic acid, sodium azide < 0,01%; - Hóa chất 2 (6x4ml): Dung dịch CaCl <sub>2</sub> 0,02 mol/l, sodium azide < 0,01%, muối và chất ổn định. Độ ổn định 14 ngày ở 2-8°C.		
18	Que thử nước tiểu 11 thông số	11 thông số, Urobilinogen (Muối mật), Bilirubin (Sắc tố mật), Ketone (Xêton), Blood, Protein, Nitrite, Leukocytes (Bạch cầu), Glucose (Đường), Specific Gravity (Tỷ trọng), Ascorbic Acid, pH.	test	10000
<b>Tổng cộng: 18 khoản</b>				

2. Địa điểm cung cấp: kho Dược, Bệnh viện đa khoa huyện Xín Mần, tổ 4, thị trấn Cốc Pài, huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang;
3. Thời gian giao hàng dự kiến: quý II, III, IV năm 2024;
4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:
  - Tạm ứng: không.
  - Thanh toán: chuyển khoản.

Trên đây là yêu cầu báo giá vật tư y tế, sinh phẩm y tế, hóa chất xét nghiệm của bệnh viện đa khoa huyện Xín Mần, kính mong quý công ty, doanh nghiệp báo giá theo mẫu báo giá của bệnh viện ( có mẫu báo giá kèm theo ).

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, KD.
- Website bệnh viện

**PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Sin Văn Sơn**

## MẪU BÁO GIÁ

( Kèm theo yêu cầu báo giá số: /BV – YCBG ngày 20/03/2024 của bệnh viện đa khoa huyện Xín Mần )

### BÁO GIÁ

**Kính gửi:** Bệnh viện đa khoa huyện Xín Mần

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Bệnh viện đa khoa huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang, chúng tôi.....báo giá cho các thiết bị y tế như sau:

1. Báo giá cho vật tư y tế và dịch vụ liên quan:

STT	Tên hóa chất xét nghiệm	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hang xuất	Mã HS	Năm sản xuất	Xuất xứ	Số lượng	Đơn giá	Chi phí cho các dịch vụ liên quan	Thuế phí, lệ phí	Thành tiền
1										
2										
3										
	<b>Tổng cộng:      khoản</b>									

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng ..... ngày, kể từ ngày .... Tháng.... Năm 2024 đến ngày ..... tháng .... Năm 2024.( tối thiểu 90 ngày )
3. Chúng tôi cam kết:
- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
  - Giá trị của các VTYT nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
  - Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày ..... tháng ..... năm 2024

**Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp**

*(Ký, ghi, đóng dấu nếu có)*